TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỜ ĐỎ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 300/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02-10 - 2018
"V/v *tranh chấp ly hôn giữa chị A và anh T"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa

Các Hội Thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Thơm

2/ Ông Nguyễn Xuân Quỹ

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phan Thành Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên toà: Ông Lưu Quốc Phú – Kiểm sát viên.

Trong ngày ngày 02 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 311/2018/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp: "xin ly hôn và nuôi con chung".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 177/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị A, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp TT, xã H, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà nguyên đơn chị Đỗ Thị A trình bày:

1.1 Về hôn nhân: Do mai mối của người thân vào năm 2009 chị Đỗ Thị A và anh Nguyễn Minh T biết nhau, sau khi tìm hiểu chị A và anh T tiến tới hôn nhân vào năm 2009, vợ chồng đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ chồng thuộc ấp T, xã H, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Cuộc sống hông nhân không hạnh phúc, vợ chồng mâu thuẫn, bất đồng trong quan điểm sống, chồng nghe lời

cha mẹ chồng không chịu quan tâm đến ý kiến của vợ, cha mẹ chồng khắc khe, luôn kiếm cớ để gây khó khăn đối với chị làm chị bị ức chế về tinh thần. Kể từ tháng 6/2018 thì chị A về nhà cha mẹ ruột sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay do không còn tình cảm với nhau, nhận thấy không thể kéo dài quan hệ hôn nhân nên đề nghị Toà án cho được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

1.2 Về nuôi con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 2011; Nguyễn Thị Mỹ Q, sinh năm 2013. Sau khi ly hôn chị A yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D, giao cho anh T nuôi cháu Q, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu anh T không nuôi con chung chị đồng ý nuôi hết các con đến trưởng thành không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Quá trình vợ chồng chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung nên không yêu cầu Toà án xem xét chia tài sản chung vợ chồng.

Về nợ chung: vợ chồng không có nợ ai nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

2. Bị đơn anh Nguyễn Minh T tại bản tự khai, biên bản hoà giải và tại và tại phiên toà trình bày:

Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh và Đỗ Thị A là do mai mối của người thân, được cha mẹ hai bên đồng ý nên anh và chị A tiến tới hôn nhân vào năm 2009, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Uỷ ban nhân xã H vào năm 2009. Từ khi kết hôn đến nay hôn nhân hạnh phúc, vợ chồng không có mâu thuẫn như chị A trình bày, nguyên nhân vợ chồng cãi nhau là do chị A nói dối anh đi đám cưới nhưng thật ra là đi Đồng Nai 01 tháng nhưng không biết làm gì, khi anh hỏi thì vợ kiếm chuyện rồi bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 6/2018 nhiều lần anh qua nhà yêu cầu vợ về nhà tiếp tục chung sống cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng chị A không chịu về. Nay anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 2011; Nguyễn Thị Mỹ Q, sinh năm 2013. Nếu Toà cho ly hôn anh yêu cầu được nuôi các con không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con chung vì nếu chia rẽ chị em lớn lên không có tình cảm với nhau. Nếu chị A đồng ý nuôi 02 con anh cũng đồng ý giao cho chị A nuôi dưỡng anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Quá trình vợ chồng chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung nên không yêu cầu Toà án xem xét chia tài sản chung vợ chồng.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về Tố tụng và nội dung giải quyết vụ án:

Về Tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014:

Về hôn nhân: Chấp nhận cho Đỗ Thị A được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

Về nuôi con chung: Công nhận sự thoả thuận giữa các đương sự về việc nuôi con chung giao 02 con chung: Nguyễn Thị Mỹ Dung, sinh năm 2011; Nguyễn Thị Mỹ Quyên, sinh năm 2013 cho chị A nuôi dưỡng đến trưởng thành. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Nợ chung đương sự khai không có và không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về Tố tụng:

[1.1] Chị Đỗ Thị A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Minh Tn và yêu cầu được nuôi con chung, xét đây là quan hệ pháp luật hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Đỗ Thị A và anh Nguyễn Minh T có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, nên quan hệ hôn nhân này là hợp pháp, khi phát sinh tranh chấp Toà án xem xét giải quyết theo thủ tục chung.

[3] Xét nguyên nhân mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa A và anh T xảy ra do không hoà hợp cách sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau do bất đồng các quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn giữa chị và cha mẹ chồng khiến cho đời sống hôn nhân không hạnh phúc nên kiên quyết xin ly hôn. Anh T muốn đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái nên người nhưng bản thân chị A không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét hôn nhân giữa chị Đỗ Thị A và anh Nguyễn Minh T đã mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho ly hôn giữa chị A và anh T.

[4] Về nuôi con chung: Xét thấy, tại toà anh T đồng ý giao 02 con chung cho chị A nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh T không cấp dưỡng nuôi con chung, chị A đồng ý nên Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận này. Giao cháu Nguyễn Thị Mỹ Q; Nguyễn Thị Mỹ D cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung theo quy định của pháp luật không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha,

mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Về chia tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu, nên Toà án không xem xét về tài sản chung.

[8] Về nợ chung: Đương sự khai không có, nên Toà án không xem xét.

[9] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Đỗ Thị A phải nộp số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 có hiệu lực 01.01.2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc án phí, lệ phí.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị A về việc xin ly hôn và nuôi con chung với anh Nguyễn Minh T.

1.1 Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị A và anh Nguyễn Minh T.

1.2 Về nuôi con chung: Công nhận sự thoả thuận giữa các đương sự về việc nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Mỹ Q; Nguyễn Thị Mỹ D cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho đương sự theo quy định của pháp luật không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

1.4 Về chia tài sản chung: Toà án không xem xét.

1.5 Về nợ chung: Toà án không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Đỗ Thị A phải nộp số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 001052 ngày 6/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

3. Tuyên án công khai nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và điều 9 luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND TP Cần Thơ;*
- *VKSND huyện Cờ Đỏ;*
- *Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;*
- *UBND xã Trung Thạnh;*
- *Phòng tư pháp huyện Cờ Đỏ;*
- *Lưu HS, VT, Toà DS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Đăng Khoa